

KẾT QUẢ HỌC TẬP

**MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN KHÓA K23 NĂM HỌC 2017-2018**

Từ ngày 11/6/2018 đến ngày 02/7/2018

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TQS ngày tháng năm 2018 của Hiệu trưởng TQS)

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ		
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB					
4306	2320723640	Nguyễn Hồ Thanh	Thảo	27/01/1999	K23VQH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3													K.ĐẠT
4307	2320315731	Nguyễn Thị Thanh	Bình	30/10/1999	K23VQH1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K			
4308	2320351295	Hồ Thị Quỳnh	Châu	06/06/1999	K23VQH1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	9.0	8.3	7.98	K			
4309	23203510920	Trần Thị Thu	Hà	09/03/1999	K23VQH1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.50	K			
4310	23203510132	Trần Thị Thanh	Hằng	13/05/1999	K23VQH1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.43	K			
4311	2320315726	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	12/04/1999	K23VQH1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K			
4312	2320213258	Bùi Hạnh Bích	Hiền	04/10/1999	K23VQH1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K			
4313	2320359997	Hồ Thanh	Mai	26/08/1999	K23VQH1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K			
4314	23213512469	Phạm Kim	Nguyễn	05/10/1998	K23VQH1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K			
4315	2320320341	Phan Thị Oanh	Nguyễn	19/02/1999	K23VQH1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K			
4316	23203511231	Đình Thị Hoàng	Nhi	22/01/1999	K23VQH1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K			
4317	2320319620	Phan Quỳnh	Như	06/06/1999	K23VQH1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K			
4318	2320315839	Võ Thị Thu	Oanh	01/06/1999	K23VQH1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K			
4319	2320315862	Nguyễn Hoàng	Oanh	20/07/1999	K23VQH1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K			
4320	2320355920	Trần Thị Kiều	Oanh	20/01/1999	K23VQH1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K			
4321	2320351270	Nguyễn Trương Như	Quỳnh	20/09/1999	K23VQH1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K			
4322	2321323686	Ngô Văn	Thắng	29/07/1999	K23VQH1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K			
4323	2321354794	Huỳnh Vũ Nhật	Thiện	12/07/1999	K23VQH1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.95	TBK			
4324	23203510138	Huỳnh Thị Thu	Thùy	01/09/1999	K23VQH1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K			
4325	23203510302	Đặng Ngô Phương	Trình	06/08/1999	K23VQH1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K			
4326	2321359685	Phan Anh	Vũ	01/01/1999	K23VQH1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K			
4327	2320377934	Lê Nguyễn Tường	Vy	23/11/1999	K23VQH1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K			
4328	2320321358	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	20/10/1999	K23VQH2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K			
4329	23213510605	Vũ Duy Anh	Bảo	05/11/1999	K23VQH2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K			
4330	2320352379	Huỳnh Ngọc Lam	Bừu	30/04/1997	K23VQH2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.5	6.7	8.0	7.0	7.0	7.3	7.15	K			
4331	2320351312	Hồ Thị Bích	Đào	14/08/1999	K23VQH2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K			
4332	2320350651	Trần Nguyên Diệu	Hiền	29/09/1999	K23VQH2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.38	K			
4333	2320351376	Lê Thị Phương	Hoa	04/09/1999	K23VQH2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K			
4334	23203510322	Trịnh Thị Cúc	Hoa	24/05/1999	K23VQH2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K			
4335	23203510483	Võ Thị Thu	Hoài	20/08/1999	K23VQH2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K			
4336	23203511878	Nguyễn Thục	Linh	26/03/1999	K23VQH2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K			
4337	23203510555	Đặng Thị Mai	Ly	07/10/1999	K23VQH2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K			
4338	2320374711	Nguyễn Như	Minh	08/07/1999	K23VQH2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K			
4339	23203510606	Nguyễn Thị Kiều	Mỹ	20/03/1999	K23VQH2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K			
4340	23203210236	Lê Thị Hồng	Ngọc	12/05/1999	K23VQH2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K			
4341	23203512456	Trần Thị Thanh	Nhàn	29/01/1998	K23VQH2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K			
4342	23203510519	Trần Thị Quỳnh	Như	04/10/1999	K23VQH2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K			
4343	2320352385	Phạm Hoài Thu	Phương	27/10/1996	K23VQH2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K			
4344	23203510375	Lê Thị Cẩm	Tâm	03/02/1999	K23VQH2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K			
4345	2320351313	Nguyễn Thị Thanh	Trà	08/09/1999	K23VQH2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K			
4346	2321713615	Đỗ Bá	Vũ	03/09/1998	K23VQH2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K			
4347	2321374610	Phạm Hùng	Anh	21/11/1999	K23VTD	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K			
4348	23213710412	Trương Ngọc Phi	Banh	30/07/1997	K23VTD	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K			
4349	23203711138	Nguyễn Tấn	Cảnh	30/04/1999	K23VTD	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.88	K			
4350	2321325461	Đình Công	Duy	12/07/1999	K23VTD	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K			
4351	2320370573	Hoàng Thị Ái	Hoài	15/05/1999	K23VTD	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K			
4352	2321335881	Lê Trọng	Khanh	13/11/1999	K23VTD	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.20	K			
4353	2320374611	Trương Nam	Khuyên	27/01/1997	K23VTD	7.0	5.0			7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3				K.ĐẠT	
4354	2321311856	Nguyễn Văn	Linh	26/07/1999	K23VTD	8.0	7.0																			

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
4361	2321623795	Đình Gia	Dũng	16/07/1999	K23XDC	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	7.0	7.70	K	
4362	2321628317	Võ Tuấn	Hưng	25/06/1999	K23XDC	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.93	TBK	
4363	2321620551	Tô Phan Quốc	Huy	06/06/1999	K23XDC	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.18	K	
4364	2321124099	Nguyễn Hoàng	Lợi	30/04/1999	K23XDC	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.30	K	
4365	2321624163	Trần Văn	Nam	05/09/1999	K23XDC	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.18	K	
4366	2321629755	Lê Thanh Ngọc	Nhân	23/02/1997	K23XDC	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.18	K	
4367	2321625112	Lê Minh	Nhật	09/04/1999	K23XDC	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.43	K	
4368	2321624164	Nguyễn Đức	Phúc	11/10/1999	K23XDC	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.08	K	
4369	2321622756	Nguyễn Ngọc	Tài	01/03/1999	K23XDC	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.18	K	
4370	2321629766	Phạm Hữu	Tài	21/12/1999	K23XDC	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.05	K	
4371	2321618537	Vương Quốc	Tinh	01/04/1999	K23XDC	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	6.95	TBK	
4372	2321614161	Lương Thế	Việt	28/02/1999	K23XDC	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.30	K	
4373	2321628315	Lương Quốc	Ân	15/11/1999	K23XDD1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.5	6.5	7.4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	7.00	K	
4374	2321611345	Đông Đức	Anh	07/09/1999	K23XDD1	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	7.28	K	
4375	23216112079	Võ Đăng	Đức	19/10/1999	K23XDD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.5	6.5	7.4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	7.03	K	
4376	2321212792	Nguyễn Lê Minh	Hiếu	16/10/1999	K23XDD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.5	7.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
4377	2321613789	Phạm Đức	Hòa	29/05/1999	K23XDD1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.28	K	
4378	2321612745	Nguyễn Huy	Hoàng	07/05/1998	K23XDD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.50	K	
4379	2321615104	Nguyễn Minh	Hùng	21/08/1999	K23XDD1	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.20	K	
4380	23216112016	Đặng Thiên	Long	24/12/1998	K23XDD1	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.33	K	
4381	23216112457	Đặng Văn	Long	10/02/1999	K23XDD1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.13	K	
4382	2321628313	Trương Văn	Mạnh	22/09/1997	K23XDD1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	7.18	K	
4383	2321614158	Nguyễn Văn	Nhân	20/10/1999	K23XDD1	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.00	K	
4384	23216111598	Lê Vạn	Niên	04/11/1999	K23XDD1	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	6.98	TBK	
4385	2321611731	Nguyễn Trường	Phát	27/10/1999	K23XDD1	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.5	6.0	6.9	7.03	K	
4386	2321614732	Thái Kế	Phú	16/07/1999	K23XDD1	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.05	K	
4387	2320610403	Nguyễn Thế	Sơn	10/01/1999	K23XDD1	8.0	7.5	6.5	7.2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.28	K	
4388	2321618534	Cao Minh	Thạch	26/07/1999	K23XDD1	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	7.5	7.5	7.7	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.95	TBK	
4389	2321618551	Phạm Ngọc	Tiến	06/06/1999	K23XDD1	8.0	8.0	5.5	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
4390	2321612750	Hồ Tấn	Tinh	17/01/1999	K23XDD1	7.0	7.0	5.5	6.3	8.0	8.5	6.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	6.0	6.4	6.53	TBK	
4391	2321612045	Nguyễn Thành	An	20/09/1999	K23XDD2	8.0	7.5	6.0	6.9	8.0	7.5	6.0	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.85	TBK	
4392	2321612742	Nguyễn Việt	Ba	24/08/1999	K23XDD2	8.0	7.5	6.0	6.9	8.0	8.5	6.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	7.08	K	
4393	2321615102	Phạm Đức	Đông	19/07/1999	K23XDD2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.33	K	
4394	2321615337	Trần Anh	Đức	26/01/1999	K23XDD2	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.08	K	
4395	23216111083	Lê Văn	Hiền	15/04/1993	K23XDD2	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.98	TBK	
4396	2321619884	Nguyễn Thanh	Hoài	23/02/1999	K23XDD2	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.25	K	
4397	2321615103	Trần Việt	Hoàng	09/03/1999	K23XDD2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	7.30	K	
4398	2321619839	Nguyễn Hoàng	Hưng	26/10/1999	K23XDD2	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	7.30	K	
4399	2321612747	Đặng Quang	Huy	24/09/1999	K23XDD2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	7.48	K	
4400	2321614154	Đỗ Nhật	Huy	06/10/1999	K23XDD2	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.13	K	
4401	2321613224	Nguyễn Vũ Quốc	Khánh	26/11/1999	K23XDD2	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	6.0	6.8	7.15	K	
4402	23216112182	Nguyễn Văn	Khôi	01/03/1998	K23XDD2	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	5.5	6.0	6.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.85	TBK	
4403	2321615338	Võ Thanh	Lâm	26/02/1999	K23XDD2	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.20	K	
4404	2321619617	Hồ Duy	Mẫn	24/02/1999	K23XDD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.93	TBK	
4405	2321619840	Nguyễn Đình	Nam	17/07/1998	K23XDD2	8.0	7.5	6.0	6.9	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.10	K	
4406	2321613791	Lê Văn	Nhon	12/01/1998	K23XDD2	8.0	7.5	6.0	6.9	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.00	K	
4407	2321619923	Vi Trọng	Sỹ	13/05/1999	K23XDD2	8.0	7.5	6.0	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.90	TBK	
4408	23216111350	Trần Văn	Thịnh	14/06/1999	K23XDD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	7.13	K	
4409	23216111895	Nguyễn Văn	Thương	25/06/1999	K23XDD2	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.90	TBK	
4410	2321612053	Phạm Hữu	Tiến	11/12/1996	K23XDD2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	7.05	K	
4411	2320210405	Dương Phạm Ngọc	Toàn	01/02/1999	K23XDD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.								

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
4427	2321615106	Lê Bá	Quý	24/08/1999	K23XDD3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.00	K	
4428	2321612536	Nguyễn Văn Sỹ	Son	01/10/1999	K23XDD3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	7.65	K	
4429	2321619990	Mai Ngọc	Tài	11/05/1999	K23XDD3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.48	K	
4430	2321615109	Nguyễn Đăng	Trường	01/09/1999	K23XDD3	8.0	6.5	8.0	7.7	8.0	7.5	6.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4431	23216110123	Phan Thế	Vinh	01/04/1999	K23XDD3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	7.20	K	
4432	2321615110	Lê Phi	Vũ	16/05/1998	K23XDD3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.15	K	
4433	2321633815	Bùi Đại	Bình	28/08/1999	K23XDQ	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.38	K	
4434	2321622056	Trần Vũ Gia	Hòa	29/03/1999	K23XDQ	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.20	K	
4435	2321634194	Đặng Ngọc	Hòa	28/02/1999	K23XDQ	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	6.0	7.5	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.40	K	
4436	23216111900	Nguyễn Việt	Hoàng	12/11/1999	K23XDQ	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.5	7.0	7.2	8.0	7.0	7.0	7.3	7.23	K	
4437	2321632072	Ngô Khắc	Nam	04/09/1999	K23XDQ	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.5	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.15	K	
4438	2321633816	Trương Văn	Tài	19/06/1999	K23XDQ	8.0	6.0	7.5	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.5	7.0	7.2	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4439	2321618539	Nguyễn Minh	Tuấn	12/02/1998	K23XDQ	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
4440	2321118219	Nguyễn Thành	Vinh	27/08/1999	K23XDQ	8.0	6.0	6.5	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.20	K	
4441	2320519521	Ngô Thị Thúy	An	25/12/1999	K23YDD1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.43	K	
4442	2320512768	Trần Võ Trâm	Anh	28/10/1999	K23YDD1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.55	K	
4443	2320512077	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/05/1999	K23YDD1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.55	K	
4444	2320519524	Trần Thị Hà	Giang	18/02/1999	K23YDD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.3	7.18	K	
4445	2320519503	Lê Nguyễn Cẩm	Hiền	11/07/1999	K23YDD1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.68	K	
4446	2320519479	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	30/01/1999	K23YDD1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.43	K	
4447	2320510860	Nguyễn Thu	Hương	07/08/1999	K23YDD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
4448	2321515307	Phạm Nguyên Minh	Huy	22/09/1999	K23YDD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4449	2320711414	Phùng Thị Khánh	Huyền	09/09/1999	K23YDD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4450	2320519483	Cao Thị	Kiều	01/05/1999	K23YDD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4451	23205111986	Nguyễn Thị	Lành	13/02/1999	K23YDD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4452	2320513822	Nguyễn Lương Thùy	Linh	19/07/1999	K23YDD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4453	2320510852	Trần Thị	Lụa	08/03/1999	K23YDD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4454	2320513823	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	18/11/1999	K23YDD1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.43	K	
4455	2320519504	Nguyễn Lê	Minh	30/08/1999	K23YDD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
4456	2320519469	Lê Nguyễn Thanh	Nga	05/10/1999	K23YDD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4457	2320523865	Võ Như Thủy	Ngân	06/07/1999	K23YDD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.43	K	
4458	2320513826	Vy Thị Quỳnh	Như	27/04/1999	K23YDD1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.43	K	
4459	2320519451	Trần Huỳnh	Như	04/10/1999	K23YDD1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.55	K	
4460	2320519446	Đào Thị	Phương	09/08/1999	K23YDD1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.68	K	
4461	2320519456	Nguyễn Thị Hồng	Phương	15/08/1999	K23YDD1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.43	K	
4462	2320519486	Lê Phúc Như	Quỳnh	26/03/1999	K23YDD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.93	TBK	
4463	2320513239	Tôn Nữ Thanh	Thảo	06/06/1999	K23YDD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4464	2320519491	Đào Thị Mỹ	Thảo	05/09/1999	K23YDD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.80	TBK	
4465	2320512581	Doãn Thị Anh	Thư	03/08/1999	K23YDD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4466	2320512583	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	01/05/1999	K23YDD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
4467	23205112168	Võ Thị	Thúy	22/02/1999	K23YDD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
4468	2320519485	Đoàn Thị Mỹ	Trâm	28/11/1999	K23YDD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4469	2320519453	Lê Phạm Hạnh	Trần	23/01/1999	K23YDD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4470	2320519520	Nguyễn Thị Thùy	Trang	12/02/1999	K23YDD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
4471	2321512779	Nguyễn Quốc	Tuấn	31/08/1999	K23YDD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4472	2320511582	Dương Tô	Uyên	14/04/1999	K23YDD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.93	TBK	
4473	2320519471	Bùi Thị Bích	Vân	24/07/1999	K23YDD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4474	2320519523	Nguyễn Thị Tường	Vi	21/10/1999	K23YDD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.43	K	
4475	2320510789	Chu Thị Quỳnh	Anh	05/12/1999	K23YDD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4476	2320513421	Đinh Thị Kim	Anh	04/09/1999	K23YDD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4477	2321515127	Phan Tấn Quốc	Dũng	19/05/1999	K23YDD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3 </											

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
4493	2320513712	Hoàng Bích	Loan	13/10/1999	K23YDD2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.43	K	
4494	2320512576	Lê Thị Trà	My	25/03/1999	K23YDD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4495	2320512577	Nguyễn Trúc Bảo	Ngân	08/04/1999	K23YDD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4496	2321513435	Trần Hữu	Nhân	08/10/1999	K23YDD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4497	2320512091	Lê Huỳnh Tuyết	Nhi	01/04/1999	K23YDD2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.43	K	
4498	2320514916	Võ Ngọc Quỳnh	Như	08/11/1999	K23YDD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4499	2320512093	Hồ Thị Thu	Phuong	10/12/1999	K23YDD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.93	TBK	
4500	2320519457	Phan Thị Bích	Thi	20/11/1999	K23YDD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4501	2320513240	Nguyễn Thị Anh	Thơ	22/12/1999	K23YDD2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.68	K	
4502	2320519484	Phan Thị Mỹ	Thuận	25/12/1999	K23YDD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.05	K	
4503	2320513241	Phan Thị Tâm	Thương	12/11/1999	K23YDD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4504	2320519528	Hồ Thị Thanh	Thúy	08/12/1999	K23YDD2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.43	K	
4505	2320512100	Nguyễn Huỳnh Mai	Thy	16/07/1999	K23YDD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.93	TBK	
4506	2320519509	Bùi Lâm Thùy	Trâm	27/05/1999	K23YDD2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.55	K	
4507	2320272366	Trương Lê Phương	Trang	22/04/1999	K23YDD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4508	2320512106	Trần Thanh	Tuyền	21/11/1999	K23YDD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4509	2320513829	Thân Thị Hoàn	Uyên	15/08/1999	K23YDD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4510	2320519470	Nguyễn Thị Tú	Uyên	17/06/1999	K23YDD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.05	K	
4511	2320510790	Hồ Thị Hải	Vy	24/05/1999	K23YDD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4512	2320512109	Lương Thị Thu	Yên	09/12/1999	K23YDD2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.43	K	
4513	2320513817	Nguyễn Trần Phương	Anh	09/09/1999	K23YDD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
4514	2320519540	Nguyễn Thị Vân	Anh	10/03/1998	K23YDD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.93	TBK	
4515	2320519541	Phạm Thị Ngọc	Ánh	24/10/1999	K23YDD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4516	2320519439	Trần Thanh	Bình	09/09/1999	K23YDD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4517	2320511588	Võ Hoàng Minh	Châu	08/04/1999	K23YDD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4518	2320519502	Phạm Thị	Diễm	24/06/1999	K23YDD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
4519	2321510582	Trần Anh	Dũng	05/05/1999	K23YDD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
4520	2320519924	Mai Thị Mỹ	Duyên	19/03/1999	K23YDD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4521	2320519506	Trần Thị Lệ	Giang	18/11/1999	K23YDD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4522	23205110925	Võ Thị Trà	Giang	26/02/1998	K23YDD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4523	2320512079	Hồ Thị	Hằng	02/06/1999	K23YDD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4524	2320519542	Trần Thị Thúy	Hiền	12/10/1999	K23YDD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.93	TBK	
4525	2320519562	Nguyễn Thị Minh	Hiền	14/06/1999	K23YDD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4526	23205110291	Nguyễn Thị	Hiếu	30/05/1999	K23YDD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4527	2321515132	Mai Lê Anh	Hùng	21/08/1999	K23YDD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.93	TBK	
4528	23215111658	Nguyễn Lê Quốc	Khánh	14/10/1999	K23YDD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.80	TBK	
4529	2320519498	Phan Thùy	Linh	02/11/1999	K23YDD3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.68	K	
4530	2320519467	Trần Thị Kiều	Mẫn	12/07/1998	K23YDD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4531	2320514816	Phan Thị Thúy	Nga	28/10/1998	K23YDD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.80	TBK	
4532	23205111559	Trần Thị Ánh	Nhật	11/07/1999	K23YDD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.05	K	
4533	2320512090	Nguyễn Lê Tuyết	Nhi	04/12/1999	K23YDD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.80	TBK	
4534	2320519482	Phạm Thị Quỳnh	Nhi	10/07/1999	K23YDD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4535	23205111731	Tăng Thị Phương	Oanh	27/11/1999	K23YDD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4536	2320514216	Lê Thị	Phuong	19/08/1998	K23YDD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4537	23205110918	Hồ Hải Hồng	Quyên	15/06/1998	K23YDD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.93	TBK	
4538	2320519490	Ksor Ha	Sa	16/03/1997	K23YDD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
4539	2321514221	Đặng Ngọc	Sâm	04/11/1999	K23YDD3									8.0	7.0	6.0	6.8						K.ĐẠT	
4540	2320519499	Huỳnh Thị Thanh	Tài	20/09/1999	K23YDD3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	6.68	TBK	
4541	2320513238	Nguyễn Thị	Thảo	10/10/1999	K23YDD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4542	2321519474	Trương Tấn	Thiệu	04/09/1998	K23YDD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.93	TBK	
4543	2320519460	Nguyễn Thị Bích	Thuận	23/02/1999	K23YDD3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.55	K	
4544	2320514223	Nguyễn Thị	Thương	10/10/1999	K23YDD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4545	2321519458	Ngô	Thuyền	03/06/1999	K23YDD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.93	TBK	
4546	2320521565	Cao Thị	Trâm	24/04/1999	K23YDD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
4547	2320513827	Trần Lê Thùy	Trang	21/10/1999	K23YDD3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.43	K	
4548	2321512586	Nguyễn Hữu	Tú	29/10/1999	K23YDD3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.30	K	
4549	2321512587	Nguyễn Hữu	Tuấn	29/10/1999	K23YDD3																			

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
4559	2320512081	Nguyễn Thị Mỹ	Hoa	12/06/1999	K23YDD4																			K.ĐẠT
4560	2321514814	Trần Thị Nhật	Hưng	11/03/1999	K23YDD4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.43	K	
4561	2320510502	Lê Thị Thanh	Huyền	29/11/1999	K23YDD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.08	K	
4562	23205110974	Đặng Thị Hương	Lan	20/05/1999	K23YDD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.28	K	
4563	2320513234	Lê Thị	Lành	10/11/1999	K23YDD4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.80	TBK	
4564	2320512085	Trương Thị Khánh	Linh	31/08/1998	K23YDD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	8.0	8.0	7.53	K	
4565	2320512572	Nguyễn Thị Diệu	Linh	14/02/1999	K23YDD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4566	23205110585	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	20/12/1999	K23YDD4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
4567	23205112103	Đỗ Thị Ái	Linh	09/05/1998	K23YDD4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
4568	23205111131	Trần Thị Như	Loan	13/07/1999	K23YDD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
4569	2320514211	Lê Kiều	My	09/09/1999	K23YDD4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
4570	2320512771	Nguyễn Thanh	Ngân	11/11/1999	K23YDD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4571	2320515140	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	20/07/1999	K23YDD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.28	K	
4572	23202511102	Nguyễn Ngọc	Nhi	15/10/1999	K23YDD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.43	K	
4573	2320514741	Huỳnh Thị Tuyết	Nhung	18/10/1999	K23YDD4									8.0	7.0	6.0	6.8						K.ĐẠT	
4574	23205110462	Nguyễn Công	Thành	24/07/1999	K23YDD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4575	2320514917	Đỗ Thị Thu	Thảo	14/03/1998	K23YDD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.28	K	
4576	23205111617	Bùi Thị Hoài	Thu	31/07/1999	K23YDD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.55	K	
4577	2320512097	Nguyễn Thị Anh	Thư	05/12/1999	K23YDD4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
4578	2320513442	Huỳnh Đoàn	Thư	20/12/1999	K23YDD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.08	K	
4579	2320713595	Nguyễn Thị Anh	Thư	19/12/1999	K23YDD4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.43	K	
4580	23205110389	Nguyễn Thị	Trang	23/03/1999	K23YDD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.55	K	
4581	2321513828	Nguyễn Bá Minh	Tuấn	05/04/1999	K23YDD4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.55	K	
4582	23205110676	Lê Thị	Tuyên	04/12/1999	K23YDD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4583	2320512781	Phan Thị Tú	Viên	27/02/1999	K23YDD4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4584	2320512108	Lê Thị Thúy	Vy	09/02/1999	K23YDD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4585	2320514227	Nguyễn Thị Hải	Yến	06/07/1999	K23YDD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4586	23205111126	Lê Thị Lan	Anh	28/08/1999	K23YDD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4587	23215111243	Lê Ngọc	Đào	06/02/1999	K23YDD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4588	2320513232	Hồ Thị Ngân	Hà	25/05/1999	K23YDD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4589	2320519920	Nguyễn Thị	Hằng	10/06/1999	K23YDD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.43	K	
4590	23205111058	Ngô Thị	Hào	22/08/1999	K23YDD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.53	K	
4591	2320513004	Phạm Thị	Hoa	02/02/1999	K23YDD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
4592	2320512082	Mai Thị Thu	Hoài	12/12/1999	K23YDD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4593	23205110272	Đỗ Thị Kiều	Hoanh	10/10/1999	K23YDD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
4594	2320512568	Võ Thị Kim	Hương	12/09/1999	K23YDD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
4595	23205112078	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	03/01/1995	K23YDD5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.15	K	
4596	2320515353	Hà Thị Thùy	Linh	11/05/1999	K23YDD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.43	K	
4597	23205111820	Bùi Thị Khánh	Ly	20/06/1999	K23YDD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4598	2320514209	Nguyễn Thị Phương	Mai	04/09/1999	K23YDD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.08	K	
4599	2320510681	Trịnh Hồng	Ngọc	16/04/1999	K23YDD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4600	2320514214	Hà Thị Thuận	Nhi	08/03/1999	K23YDD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4601	2320513436	Dương Thị Kiều	Oanh	27/08/1999	K23YDD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.08	K	
4602	2320513437	Võ Thị Kim	Phụng	10/01/1999	K23YDD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4603	23205110509	Trần Thị Như	Phương	21/06/1999	K23YDD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4604	23205112434	Lê Thị Tuyết	Phương	29/11/1998	K23YDD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4605	23205110549	Trần Thị Như	Quỳnh	08/10/1998	K23YDD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4606	23205111859	Nguyễn Thị Bích	Thiện	03/10/1999	K23YDD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.08	K	
4607	2320519789	Phan Thị Mỹ	Thoa	05/05/1999	K23YDD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4608	23205111272	Lê Thị	Thủy	13/09/1999	K23YDD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	8.0	7.6	7.45	K	
4609	2320514224	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trần	13/07/1999	K23YDD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4610	2320512777	Đỗ Thị Huyền	Trang	19/05/1999	K23YDD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.08	K	
4611	2320513014	Lê Thị Huyền	Trang	13/11/1999	K23YDD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ	
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB				
4625	2320510763	Trần Thị Thu	Hoài	22/10/1998	K23YDD6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.45	K		
4626	2320515131	Phạm Thị	Hồng	15/12/1999	K23YDD6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K		
4627	2320512570	Phạm Thị Nhật	Lệ	14/09/1998	K23YDD6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K		
4628	2320514207	Lê Thị Thùy	Linh	27/05/1999	K23YDD6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K		
4629	2320510744	Huỳnh Thị	Mi	26/11/1997	K23YDD6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K		
4630	23205110031	Nguyễn Thị Diệu	Ngân	03/07/1999	K23YDD6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K		
4631	2320514212	Lê Minh	Nguyệt	23/08/1998	K23YDD6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K		
4632	2321511876	Phạm Hồng	Phong	29/05/1998	K23YDD6	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	7.00	K		
4633	2320515142	Phạm Thị Thanh	Phương	23/07/1999	K23YDD6	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	7.00	K		
4634	2321513237	Nguyễn Văn	Quốc	26/04/1999	K23YDD6	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	7.00	K		
4635	2320513439	Phạm Trúc	Quyên	05/01/1999	K23YDD6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K		
4636	2320511832	Nguyễn Khánh	Quyên	06/03/1999	K23YDD6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K		
4637	2320514220	Phan Đoàn Như	Quỳnh	01/09/1999	K23YDD6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.68	K		
4638	23207110369	Mai Thị Như	Quỳnh	24/02/1999	K23YDD6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K		
4639	2321512775	Võ Thành	Tài	19/02/1999	K23YDD6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.15	K		
4640	2320512095	Nguyễn Thị Băng	Tâm	26/10/1999	K23YDD6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K		
4641	2320513441	Nguyễn Lương Minh	Thư	27/06/1999	K23YDD6	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	8.0	7.6	7.53	K		
4642	2320513443	Nguyễn Trương Hoàng	Thư	06/01/1999	K23YDD6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K		
4643	2320512778	Trần Thị Thu	Trang	09/04/1999	K23YDD6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.15	K		
4644	2320511414	Nguyễn Thị Tú	Uyên	01/04/1999	K23YDD6	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	7.83	K	
4645	2320511750	Hà Thị Tường	Vi	29/08/1999	K23YDD6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.15	K		
4646	2320513017	Bùi Thị Mỹ	Vui	08/08/1999	K23YDD6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.15	K		
4647	2320528980	Nguyễn Thị Lan	Anh	19/06/1999	K23YDH1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	7.70	K		
4648	2320529052	Lê Mai Bảo	Anh	14/10/1999	K23YDH1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.65	K		
4649	23205211137	Nguyễn Thị Lan	Anh	02/08/1999	K23YDH1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.48	K		
4650	23205210222	Phạm Thị Hồng	Chuyên	01/01/1999	K23YDH1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.60	K		
4651	2320528949	Vũ Quỳnh Mỹ	Duyên	10/10/1999	K23YDH1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.60	K		
4652	2320523843	Hoàng Thị Cẩm	Giang	10/03/1999	K23YDH1	8.0	7.0	7.0	7.3					8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3		K,ĐAT		
4653	2320519466	Đặng Thị Thu	Hà	11/08/1999	K23YDH1	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.13	K		
4654	2320529037	Đặng Thị Cẩm	Hạ	02/11/1999	K23YDH1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.48	K		
4655	2320524678	Phan Minh	Hằng	11/08/1999	K23YDH1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.53	K		
4656	2320528973	Nguyễn Thị Thục	Hiền	27/04/1999	K23YDH1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.65	K		
4657	2321523848	Tôn Thất	Hung	26/12/1999	K23YDH1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.55	K		
4658	2320528953	Dương Thị Mai	Hương	27/10/1999	K23YDH1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.60	K		
4659	2320528929	Lê Thuỳ Bảo	Huyền	18/10/1999	K23YDH1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.33	K		
4660	2320528939	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	20/03/1999	K23YDH1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.53	K		
4661	2320529131	Nguyễn Thị	Huyền	17/08/1999	K23YDH1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.73	K		
4662	2320529068	Đinh Thị Yến	Khoa	11/10/1999	K23YDH1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.43	K		
4663	2320528946	Lâm Bảo	Linh	30/12/1999	K23YDH1	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.13	K		
4664	2320528947	Phạm Khánh	Linh	03/11/1999	K23YDH1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K		
4665	23205210204	Trần Thị Xuân	Lộc	01/07/1999	K23YDH1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.65	K		
4666	2320529267	Nguyễn Thị Mỹ	Lợi	14/01/1999	K23YDH1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.40	K		
4667	2321523863	Nguyễn Quang	Mỹ	27/12/1999	K23YDH1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.38	K		
4668	2320529090	Nguyễn Thị Ni	Na	24/02/1999	K23YDH1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	7.83	K	
4669	2320520283	Nguyễn Ông Thiên	Nga	28/09/1999	K23YDH1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.48	K		
4670	2320529097	Phan Kim	Ngân	25/11/1999	K23YDH1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.48	K		
4671	2320529029	Vũ Trần Như	Ngọc	03/08/1999	K23YDH1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.60	K		
4672	23215212118	Võ Phúc	Nguyên	25/05/1999	K23YDH1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.38	K		
4673	2320529342	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	10/03/1999	K23YDH1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.58	K		
4674	2320529596	Nguyễn Trần Tuyết	Nhi	11/04/1999	K23YDH1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.53	K		
4675	2320529343	Lê Thị Hoàng	Oanh	24/12/1999	K23YDH1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.40	K		
4676	2321524990	Nguyễn Minh	Phú	17/04/1999	K23YDH1	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.23	K		
4677	2321528942	Lê Tôn	Tài	22/10/1999	K23YDH1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.65	K		
4678	2320523876	Lê Thị Kim	Thanh	02/10/1999	K23YDH1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.55	K		
4679	2320529070	Đinh Mỹ Thiên	Thanh	13/10/1999	K23YDH1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K		
4680	2321524747	Trần Việt	Thi	11/08/1999	K23YDH1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K		
4681	2321528955	Võ Trọng	Thiên	0																					

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
4691	2320523894	Cao Thị Hồng	Vân	15/07/1999	K23YDH1	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	8,0	7,0	7,5	7,35	K	
4692	23215212386	Bạch Quang	Vinh	27/04/1999	K23YDH1	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	8,0	7,8	8,0	7,0	7,0	7,3	7,43	K	
4693	2320529153	Phan Thị Tô	Vy	17/11/1999	K23YDH1	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,00	G	
4694	2320521595	Nguyễn Thị Thúy	An	04/09/1999	K23YDH2	8,0	8,0	7,0	7,5	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	8,0	8,0	8,0	7,53	K	
4695	2321525464	Nguyễn Hữu	An	10/10/1999	K23YDH2	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	6,0	6,8	7,18	K	
4696	2320529288	Trần Thị Minh	Anh	26/11/1997	K23YDH2	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	7,30	K	
4697	2321520269	Huỳnh Chiêu	Bình	28/06/1999	K23YDH2	8,0	7,0	6,0	6,8	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	8,0	7,8	8,0	8,0	7,0	7,5	7,35	K	
4698	2321523835	Trương Vũ Quốc	Đại	21/05/1999	K23YDH2	8,0	6,0	6,0	6,6	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	7,13	K	
4699	2320523837	Phạm Thanh	Diễm	21/12/1999	K23YDH2	8,0	7,0	6,0	6,8	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	6,0	6,8	7,05	K	
4700	2321529102	Nguyễn Trung	Đức	01/01/1998	K23YDH2	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	8,0	7,8	8,0	8,0	7,0	7,5	7,48	K	
4701	2320529224	Nguyễn Thùy	Dương	05/02/1999	K23YDH2	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,0	8,0	7,8	7,95	K	
4702	23205210672	Đoàn Thị Kim	Duyên	05/09/1999	K23YDH2	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	8,0	7,0	7,5	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	7,35	K	
4703	2320528933	Trương Thế Hương	Giang	24/05/1999	K23YDH2	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	7,30	K	
4704	2320520325	Nguyễn Đình Bảo	Hân	20/02/1999	K23YDH2	8,0	7,0	8,0	7,8	8,0	8,0	7,0	7,5	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	8,0	7,0	7,5	7,53	K	
4705	23205211997	Phạm Trương Ngọc	Hân	13/02/1999	K23YDH2	8,0	6,0	8,0	7,6	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	7,38	K	
4706	2320529077	Trà Phan Minh	Hạnh	13/10/1999	K23YDH2	8,0	7,0	8,0	7,8	8,0	8,0	7,0	7,5	8,0	7,0	6,0	6,8	8,0	7,0	7,0	7,3	7,35	K	
4707	2320523847	Nguyễn Thị Thúy	Hậu	18/01/1999	K23YDH2	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	8,0	7,0	7,5	8,0	7,0	6,0	6,8	7,23	K	
4708	2320529225	Trương Thị Thu	Hiền	16/06/1999	K23YDH2	8,0	8,0	7,0	7,5	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	7,35	K	
4709	2321529355	Nguyễn Đình Gia	Huy	19/09/1999	K23YDH2	8,0	7,0	6,0	6,8	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	7,18	K	
4710	2320525468	Huỳnh Như	Huyền	03/12/1999	K23YDH2	8,0	7,0	6,0	6,8	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	7,18	K	
4711	2321524982	Hoàng Trọng Nguyên	Kha	23/06/1999	K23YDH2	8,0	8,0	6,0	7,0	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	5,0	6,3	6,98	TBK	
4712	2321529349	Đỗ Quang	Khải	01/05/1999	K23YDH2	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	8,0	7,0	7,5	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	7,35	K	
4713	2320524985	Lâm Bội	Kim	11/02/1999	K23YDH2	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	6,0	6,8	7,18	K	
4714	2320529019	Nguyễn Thị Mỹ	Lai	01/07/1999	K23YDH2	8,0	8,0	7,0	7,5	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	7,35	K	
4715	2320519427	Trần Lan	Linh	08/10/1999	K23YDH2	8,0	7,0	6,0	6,8	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	8,0	7,8	7,30	K	
4716	2320521557	Lý Mai	Linh	01/12/1999	K23YDH2	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	8,0	7,8	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	7,43	K	
4717	2320528927	Trần Thu Kim	Ngân	08/02/1999	K23YDH2	8,0	7,0	8,0	7,8	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	7,43	K	
4718	2320528996	Nguyễn Lê Bích	Ngọc	13/12/1999	K23YDH2	8,0	8,0	7,0	7,5	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	7,35	K	
4719	2320529179	Lê Thị Minh	Nguyệt	05/06/1999	K23YDH2	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	8,0	7,8	7,43	K	
4720	2320523866	Bùi Thị Yên	Nhạn	17/12/1999	K23YDH2	8,0	7,0	8,0	7,8	8,0	7,0	8,0	7,8	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	8,0	7,0	7,5	7,60	K	
4721	2320520898	Nguyễn Thị Dương	Nhi	31/08/1999	K23YDH2	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	8,0	7,0	7,5	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	8,0	7,0	7,5	7,40	K	
4722	2320529123	Võ Hoài	Nhi	14/06/1999	K23YDH2	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	8,0	6,0	7,0	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	7,23	K	
4723	2320524746	Đoàn Thị Quỳnh	Như	12/07/1999	K23YDH2	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	8,0	7,8	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	6,0	6,8	7,30	K	
4724	2320528928	Trần Thị Quỳnh	Như	25/10/1999	K23YDH2	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	8,0	7,8	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	7,43	K	
4725	2320523870	Lê Thị Mỹ	Nữ	24/07/1999	K23YDH2	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	8,0	7,0	7,5	7,35	K	
4726	2320529701	Nguyễn Như	Oanh	06/06/1999	K23YDH2	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	7,30	K	
4727	2320529212	Nguyễn Thị Bích	Quy	25/06/1999	K23YDH2	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	7,30	K	
4728	2320521563	Nguyễn Thị Linh	Quyên	08/03/1999	K23YDH2	8,0	8,0	7,0	7,5	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	7,35	K	
4729	2320529172	Phan Tố	Quyên	02/08/1999	K23YDH2	8,0	8,0	7,0	7,5	8,0	8,0	7,0	7,5	8,0	8,0	7,0	7,5	8,0	8,0	7,0	7,5	7,50	K	
4730	2321529042	Trương Thanh	Sang	08/11/1999	K23YDH2	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	8,0	7,8	8,0	7,0	7,0	7,3	7,43	K	
4731	2320529046	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	30/06/1999	K23YDH2	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	8,0	7,0	7,5	8,0	7,0	7,0	7,3	7,53	K	
4732	2320521612	Trần Thị Minh	Thu	15/09/1999	K23YDH2	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	8,0	7,0	7,5	8,0	7,0	7,0	7,3	7,35	K	
4733	2320521666	Lê Ngọc Anh	Thư	22/02/1999	K23YDH2	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	8,0	7,0	7,5	8,0	8,0	6,0	7,0	8,0	7,0	7,0	7,3	7,28	K	
4734	2320529237	Bùi Phạm Thương	Thương	30/09/1999	K23YDH2	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	7,30	K	
4735	23205211073	Lương Huỳnh Thủy	Tiên	24/08/1999	K23YDH2	8,0	7,0	6,0	6,8	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	6,0	6,8	8,0	7,0	7,0	7,3	7,05	K	
4736	2320520293	Nguyễn Đặng Bích	Trâm	22/08/1999	K23YDH2	8,0	7,0	8,0	7,8	8,0	8,0	7,0	7,5	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	7,48	K	
4737	2320529057	Lê Thị Thu	Trang	16/07/1999	K23YDH2	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	8,0	7,0	7,5	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	7,35	K	
4738	2320520864	Nguyễn Thị Việt	Trinh	14/12/1999	K23YDH2	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,0	8,0	7,8	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	7,60	K	
4739	2320528983	Nguyễn Thị Thanh	Tụy	05/11/1999	K23YDH2	8,0	8,0	7,0	7,5	8,0	8,0	7,0	7,5	8,0	8,0	7,0	7,5	8,0	8,0	8,0	8,0	7,63	K	
4740	2320525069	Trần Đặng Quang	Tuyền	25/05/1999	K23YDH2	8,0	6,0	7,0	7,1	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,0	6,0	6,8	7,13	K	
4741	2320513244	Dương Từ Thị Ngọc	Tuyền	13/08/1999	K23YDH2	8,0	6,0	8,0	7,6	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	8,0	7,0	7,5	8,0	7,0	7,0	7,3	7,43	K	
4742	2320529291	Lương Thanh	Tuyền	10/12/1999	K23YDH2	8,0	7,0	7,0																

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN	N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ	
					CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB				
4757	2320523844	Lê Phương	Hà	01/11/1999	K23YDH3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	7.65	K	
4758	2320528952	Nguyễn Thanh	Hà	01/10/1999	K23YDH3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.53	K	
4759	23205212194	Châu Bảo	Hậu	20/06/1998	K23YDH3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.50	K	
4760	2320520274	Trương Diệu	Hiền	09/09/1999	K23YDH3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.35	K	
4761	2320529159	Phan Thị	Hiệp	11/12/1999	K23YDH3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4762	2320528934	Trần Nguyễn Thuận	Hòa	29/07/1999	K23YDH3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	7.53	K	
4763	2320529000	Trương Việt	Hòa	10/10/1999	K23YDH3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.30	K	
4764	2320529107	Nguyễn Thị	Huê	20/05/1999	K23YDH3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	7.65	K	
4765	2321523853	Đỗ Văn	Khoa	02/09/1999	K23YDH3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4766	2321529716	Nguyễn Tấn	Kiệt	27/10/1999	K23YDH3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4767	2320528984	Nguyễn Thị Hương	Lan	09/03/1999	K23YDH3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	7.58	K	
4768	2320529340	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	12/03/1999	K23YDH3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	7.63	K	
4769	2320529361	Huỳnh Mỹ	Lệ	03/07/1999	K23YDH3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.35	K	
4770	2320524744	Đoàn Kiều	Linh	15/09/1999	K23YDH3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	7.58	K	
4771	2320529054	Trương Thị Ngọc	Mai	04/05/1999	K23YDH3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	7.53	K	
4772	23215210219	Võ Thanh	Nam	12/10/1999	K23YDH3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	7.48	K	
4773	2320529093	Nguyễn Thị Hồng	Nghĩa	08/02/1999	K23YDH3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.73	K	
4774	2321520801	Nguyễn Hữu	Nghĩa	02/04/1999	K23YDH3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.00	G	
4775	2320529099	Nguyễn Lâm Ái	Nguyệt	19/02/1999	K23YDH3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	7.5	7.35	K	
4776	2321521828	Bùi Bảo	Nha	02/02/1999	K23YDH3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4777	2320523868	Phạm Hồng	Nhung	26/10/1999	K23YDH3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.53	K	
4778	2320528993	Nguyễn Hồng	Nhung	02/01/1999	K23YDH3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.40	K	
4779	2320519511	Ngô Thị Uyên	Phương	09/05/1999	K23YDH3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
4780	2320529189	Lê Thị Uyên	Phương	09/07/1999	K23YDH3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4781	2320529103	Phạm Thị Ngọc	Quý	28/02/1999	K23YDH3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.60	K	
4782	2320520512	Trương Thị Như	Quỳnh	20/10/1999	K23YDH3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.35	K	
4783	2321529633	Huỳnh Nguyễn Anh	Tài	04/08/1999	K23YDH3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
4784	2321529173	Phạm Ngọc	Thạch	02/05/1999	K23YDH3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4785	2321519394	Nguyễn Minh	Thắng	14/04/1999	K23YDH3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4786	2320521363	Nguyễn Thị Xuân	Thanh	21/09/1999	K23YDH3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	7.63	K	
4787	23205211930	Hà Thị Ngọc	Thào	05/05/1999	K23YDH3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4788	2320529310	Nguyễn Vũ Anh	Thuy	15/07/1999	K23YDH3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
4789	2321529174	Trần Minh	Tiến	14/08/1999	K23YDH3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
4790	2320528995	Nguyễn Thị Kiều	Trâm	03/11/1999	K23YDH3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.35	K	
4791	2320524683	Lê Thị Ánh	Tuyết	30/08/1999	K23YDH3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
4792	2320529348	Phạm Ngọc Vân	Uyên	07/10/1999	K23YDH3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.35	K	
4793	2320529069	Nguyễn Thị Mỹ	Ái	28/05/1999	K23YDH4	8.0	6.5	7.5	7.5	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.5	7.8	7.48	K	
4794	2320529051	Lê Kiều	An	19/11/1999	K23YDH4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.5	7.8	7.73	K	
4795	2321523831	Võ Minh	Anh	05/05/1999	K23YDH4	8.0	7.5	8.5	8.2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.58	K	
4796	2320529337	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/02/1999	K23YDH4	8.0	7.5	8.5	8.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.58	K	
4797	2320529074	Phạm Thị Ngọc	Châu	23/03/1999	K23YDH4	8.0	6.5	7.5	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	6.0	6.8	7.33	K	
4798	2320529003	Trần Thị	Chinh	05/01/1999	K23YDH4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.60	K	
4799	2321524676	Lê Đức	Đỉnh	26/08/1999	K23YDH4	8.0	6.5	7.5	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.5	7.3	7.40	K	
4800	2320523842	Hoàng Mỹ	Duyên	14/05/1999	K23YDH4	8.0	6.5	7.5	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	7.50	K	
4801	2320519376	Vũ Nhật	Hà	20/06/1999	K23YDH4	8.0	6.5	7.5	7.5	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.53	K	
4802	2320524980	Trần Thị Nguyệt	Hà	01/12/1999	K23YDH4	8.0	6.5	7.5	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	7.50	K	
4803	2320529242	Lê Thị Thanh	Hằng	10/05/1999	K23YDH4	8.0	8.0	9.0	8.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.83	K	
4804	2320520272	Lê Thu	Hào	16/04/1999	K23YDH4	8.0	8.0	9.0	8.5	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.60	K	
4805	2320520516	Nguyễn Thị Mỹ	Hậu	09/11/1999	K23YDH4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.53	K	
4806	2321520273	Phan Nguyễn Đức	Hiền	19/06/1999	K23YDH4	8.0	6.5	7.5	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	7.30	K	
4807	2320529006	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	01/10/1999	K23YDH4	8.0	7.5	8.5	8.2	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.53	K	
4808	2320523849	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	22/04/1999	K23YDH4	8.0	7.5	8.5	8.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.40	K	
4809	2320529356	Dương Lệ	Huyền	15/04/1999	K23YDH4	8.0	6.5	7.5	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.28	K	
4810	2320524984	Nguyễn Thiên	Khánh	10/04/1999	K23YDH4	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.50	K	
4811	2320529325	Bùi Thị My	Khuyên	13/10/1999	K23YDH4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.00	K	
4812	2321529144	Nguyễn Cao	Kỳ	27/01/1999	K23YDH4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.35	K	
4813	2320529273	Cao Thị Hồng	Lê	02/07/1999</																				

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
4823	2320528974	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	20/10/1999	K23YDH4	8.0	8.0	9.0	8.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	7.85	K	
4824	2320529236	Trà Thị Thu	Sương	29/12/1999	K23YDH4	8.0	7.5	8.5	8.2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.58	K	
4825	2320523877	Phan Nguyễn Như	Thảo	19/04/1999	K23YDH4	8.0	7.5	8.5	8.2	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.78	K	
4826	2320523878	Nguyễn Thị Thu	Thảo	20/01/1999	K23YDH4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.5	7.3	7.43	K	
4827	2320523879	Trần Thị Mai	Thi	02/05/1999	K23YDH4	8.0	7.5	8.5	8.2	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.53	K	
4828	2321529115	Trần Đức	Thịnh	13/05/1999	K23YDH4	8.0	7.5	8.0	7.9	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.5	7.0	7.2	8.0	7.0	7.0	7.3	7.48	K	
4829	2320528982	Đinh Thị	Toa	29/07/1999	K23YDH4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	7.23	K	
4830	2320529231	Huỳnh Thị Quỳnh	Thu	13/08/1999	K23YDH4	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	7.45	K	
4831	2320529200	Nguyễn Thị Huyền	Thục	20/05/1999	K23YDH4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.38	K	
4832	2320529148	Phan Thị Thanh	Thương	10/08/1999	K23YDH4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	7.68	K	
4833	2320529043	Lê Thị	Thùy	12/07/1999	K23YDH4	8.0	7.5	8.5	8.2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	7.75	K	
4834	2320529071	Phạm Thị Phương	Thùy	13/06/1999	K23YDH4	8.0	7.5	8.5	8.2	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.45	K	
4835	2321529704	Đỗ Cao	Trí	19/12/1998	K23YDH4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	3.0	5.3	6.50	TBK	
4836	2321529111	Nguyễn Thành	Trung	20/02/1999	K23YDH4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.38	K	
4837	2320519508	Nguyễn Thị Kim	Tuyển	24/04/1999	K23YDH4	8.0	7.5	8.5	8.2	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.5	7.6	7.78	K	
4838	2320529311	Đỗ Phương	Uyên	10/08/1999	K23YDH4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.30	K	
4839	2320538673	Hồ Thị Tường	Vi	06/02/1999	K23YDH4	8.0	7.5	8.5	8.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.40	K	
4840	2320529023	Võ Tường	Vy	29/03/1999	K23YDH4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.50	K	
4841	2320528883	Võ Thị Diễm	Bích	29/12/1999	K23YDH5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.10	K	
4842	2320529105	Lê Thị	Chung	02/10/1999	K23YDH5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.05	K	
4843	2321529053	Nguyễn Gia	Đạt	24/07/1999	K23YDH5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.98	TBK	
4844	2320520647	Nguyễn Thị Hồng	Điệp	22/11/1999	K23YDH5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.98	TBK	
4845	2320521382	Ngô Hồng Phương	Duy	06/12/1999	K23YDH5	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	7.45	K	
4846	2320524677	Phạm Hữu	Duyên	29/03/1999	K23YDH5	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.05	K	
4847	2320668455	Nguyễn Thúy	Hân	25/06/1999	K23YDH5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	6.88	TBK	
4848	23205211059	Đinh Thúy	Hăng	25/02/1999	K23YDH5	8.0	8.0	5.5	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	0.0	0.0	0.00	K Đạt	
4849	23206612135	Mai Nữ Lệ	Hăng	12/11/1999	K23YDH5	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	3.0	5.5	6.83	TBK	
4850	2320529266	Nguyễn Hồng	Hạnh	15/01/1999	K23YDH5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.53	K	
4851	2320528941	Nguyễn Thị Mỹ	Hào	14/08/1999	K23YDH5	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.65	K	
4852	2320528988	Lê Thị Thu	Hiền	02/02/1999	K23YDH5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	1.0	4.3	6.25	TBK	
4853	23205212530	Đinh Thị Thúy	Hiền	24/11/1999	K23YDH5	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	5.5	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
4854	2320524679	Nguyễn Thị Như	Hiệu	07/11/1999	K23YDH5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.5	7.3	7.35	K	
4855	2320524981	Phạm Thị Minh	Hòa	11/05/1999	K23YDH5	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.15	K	
4856	2320529170	Lê Thị	Hường	31/05/1999	K23YDH5	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	5.0	6.5	7.35	K	
4857	2320529691	Nguyễn Thanh	Huyền	20/03/1999	K23YDH5	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.5	7.8	7.00	K	
4858	2320523851	Trần Thị Như	Huỳnh	05/11/1999	K23YDH5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	5.0	6.5	6.95	TBK	
4859	2321529169	Phan Đông	Huỳnh	16/11/1999	K23YDH5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	2.0	4.8	6.55	TBK	
4860	2321529301	Lê Hòa	Khánh	22/09/1999	K23YDH5	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	3.0	5.3	6.40	TBK	
4861	2321528962	Nguyễn Văn	Khoa	19/01/1999	K23YDH5	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.13	K	
4862	2321529113	Nguyễn Công	Lễ	04/05/1998	K23YDH5	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	7.05	K	
4863	2321118136	Võ Văn	Linh	10/08/1999	K23YDH5	8.0	7.0	5.5	6.6	8.0	7.0	5.5	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	3.0	5.3	6.45	TBK	
4864	2321529248	Nguyễn Lương	Lợi	24/10/1999	K23YDH5	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	7.18	K	
4865	2320523857	Nguyễn Thị Ly	Ly	04/07/1999	K23YDH5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.45	K	
4866	2320523859	Cao Thị	Lý	18/01/1999	K23YDH5	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	7.28	K	
4867	2320520284	Võ Thị Tuyết	Nga	28/04/1999	K23YDH5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.5	7.3	7.35	K	
4868	2321524987	Hoàng Hữu	Nghĩa	29/11/1999	K23YDH5	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	5.0	6.3	6.98	TBK	
4869	2320529094	Võ Thị Ngọc	Nhi	17/10/1999	K23YDH5	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.55	K	
4870	2321529374	Trần Việt Nhật	Quang	29/10/1999	K23YDH5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.5	7.8	7.43	K	
4871	2320538856	Nguyễn Thị Vinh	Quỳnh	28/01/1999	K23YDH5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.5	7.6	7.55	K	
4872	2320529358	Nguyễn Thị	Sương	09/09/1999	K23YDH5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.5	7.3	7.35	K	
4873	2320529004	Hồ Thị Thanh	Tâm	20/11/1999	K23YDH5	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.18	K	
4874	2320529199	Đặng Thị Thanh	Tâm	28/09/1999	K23YDH5	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.18	K	
4875	23215211595	Lê Vạn	Tấn	19/04/1999	K23YDH5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.00	K	
4876	2320529108	Phan Thị Kim	Thảo	18/06/1999	K23YDH5	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	5.0	6.3	7.05	K	
4877	23205210593	Trần Phương	Thảo	03/09/1999	K23YDH5	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.08	K	
4878	2320525477	Phan Võ Minh	Thư	05/06/1999	K23YDH5	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	7.00	K	
4879	2320529690																							

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
4889	2320529091	Hồ Trâm	Anh	26/11/1999	K23YDH6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	6.85	TBK	
4890	2321519378	Nguyễn Thanh	Bình	02/04/1999	K23YDH6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.28	K	
4891	2321520513	Nguyễn Văn	Cảnh	30/01/1999	K23YDH6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	6.55	TBK	
4892	2320529203	Võ Thị Kim	Cúc	23/08/1999	K23YDH6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.15	K	
4893	2320523840	Kiều Phương	Dung	22/07/1999	K23YDH6	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
4894	2320529312	Hồ Thị Mỹ	Duyên	23/02/1999	K23YDH6	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	5.0	6.3	6.90	TBK	
4895	2320529334	Nguyễn Thị	Duyên	27/05/1999	K23YDH6	8.0	6.0	7.5	7.4	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	5.0	6.3	7.13	K	
4896	2320529211	Ngô Thị Bích	Hà	01/10/1999	K23YDH6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.23	K	
4897	2320529233	Ngô Nguyễn Nhật	Hà	01/06/1999	K23YDH6	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	5.0	6.5	6.98	TBK	
4898	23205212504	Lê Thị Thanh	Hà	01/09/1998	K23YDH6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.13	K	
4899	2320523846	Huỳnh Thị Hải	Hậu	05/08/1999	K23YDH6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.23	K	
4900	2320521619	Văn Thị Thu	Hiền	21/01/1999	K23YDH6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.43	K	
4901	23205212404	Võ Thị Thanh	Hiền	12/02/1999	K23YDH6	8.0	5.0	7.5	7.2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.33	K	
4902	2321529128	Lê Bùi Quang	Hiệp	27/01/1999	K23YDH6	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	2.0	4.8	6.68	TBK	
4903	2320525469	Phan Nguyễn Thu	Hồng	18/08/1999	K23YDH6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	1.0	4.3	6.55	TBK	
4904	2321523852	Lê Thành	Khang	09/02/1999	K23YDH6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	6.93	TBK	
4905	2321529293	Võ Ngọc	Khánh	25/05/1999	K23YDH6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.18	K	
4906	2320521556	Phạm Thị Mi	Liều	20/02/1999	K23YDH6	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.13	K	
4907	2320521644	Trần Thị Mỹ	Linh	13/12/1999	K23YDH6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.10	K	
4908	2321529121	Nguyễn Tấn	Lợi	22/05/1999	K23YDH6	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.00	K	
4909	2320523862	Lý Thị Trà	Mi	20/09/1999	K23YDH6	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.23	K	
4910	2320529055	Vũ Ngọc Quỳnh	Nga	31/10/1999	K23YDH6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	6.85	TBK	
4911	2320524988	Nguyễn Hoàng Bích	Ngọc	03/03/1999	K23YDH6	8.0	6.0	6.5	6.9	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	2.0	4.8	6.53	TBK	
4912	2320520850	Đoàn Thị Thảo	Nguyễn	06/04/1999	K23YDH6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	6.93	TBK	
4913	2320529142	Nguyễn Thanh	Nhàn	24/07/1999	K23YDH6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	5.0	6.5	7.15	K	
4914	2320529036	Hoàng Thị Thanh	Nhân	29/01/1999	K23YDH6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.05	K	
4915	2321529171	Hoàng Minh	Nhật	09/01/1999	K23YDH6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.00	K	
4916	2320529124	Trần Thị Ái	Nhiên	20/10/1999	K23YDH6	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.05	K	
4917	2320523867	Phạm Thị Quỳnh	Như	16/11/1999	K23YDH6	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.00	K	
4918	2320523869	Trần Thị Tuyết	Nhung	13/07/1999	K23YDH6	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	7.10	K	
4919	2320524680	Võ Thị Tú	Oanh	08/09/1999	K23YDH6	8.0	6.0	5.5	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	6.83	TBK	
4920	2321529125	Lê Thành	Quốc	16/05/1999	K23YDH6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	6.80	TBK	
4921	2320523875	Trần Thị Thu	Sương	04/07/1999	K23YDH6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	7.48	K	
4922	2321529015	Trịnh Hữu	Tăng	17/01/1999	K23YDH6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	5.0	6.5	6.93	TBK	
4923	2321529252	Trương Quang	Thạch	30/08/1999	K23YDH6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	6.93	TBK	
4924	2320529005	Lê Thị	Thảo	06/01/1999	K23YDH6	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	5.0	6.5	7.15	K	
4925	2320529062	Nguyễn Thị Anh	Thư	06/01/1999	K23YDH6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.5	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	7.15	K	
4926	2320529232	Hà Thị Hoài	Thương	02/01/1999	K23YDH6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
4927	2320524993	Lê Thanh	Thúy	01/10/1999	K23YDH6	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.13	K	
4928	2320523884	Lê Thị Thanh	Trâm	10/01/1999	K23YDH6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	6.0	6.8	7.40	K	
4929	23205212532	Nguyễn Kiều	Trinh	31/12/1999	K23YDH6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.40	K	
4930	2321529027	Cao Xuân	Trường	02/03/1999	K23YDH6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.23	K	
4931	2320520302	Võ Thị Ái	Viên	17/05/1999	K23YDH6	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	5.5	6.8	7.10	K	
4932	2320523895	Nguyễn Ngọc Thảo	Viên	13/06/1999	K23YDH6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	6.63	TBK	
4933	2321529259	Lê Quốc	Việt	08/02/1999	K23YDH6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	6.80	TBK	
4934	23205212111	Văn Hiếu	Vy	03/08/1999	K23YDH6	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	5.0	6.5	7.33	K	
4935	2320524994	Hồ Thị Hải	Yến	12/03/1999	K23YDH6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.40	K	
4936	2320523833	Lê Cẩm	Châu	27/08/1999	K23YDH7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.08	K	
4937	2320529289	Lê Thị	Chinh	18/11/1999	K23YDH7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.5	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.03	K	
4938	2320529244	Lê Trần An	Duyên	26/09/1999	K23YDH7	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.98	TBK	
4939	2320519465	Lê Thị Quỳnh	Giang	10/01/1999	K23YDH7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.5	7.4	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	6.0	6.0	6.6	7.00	K	
4940	2320525058	Lê Hà	Hân	15/04/1999	K23YDH7	8.0	6.0																	

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
4955	2321523864	Lê Hoàng	Nam	14/09/1997	K23YDH7	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.78	TBK	
4956	2321529268	Chu Văn	Nam	09/05/1999	K23YDH7	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	6.0	6.6	7.03	K	
4957	2320528930	Huỳnh Vũ Quỳnh	Nga	30/08/1999	K23YDH7	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.25	K	
4958	2320528986	Hồ Thúy	Ngân	15/10/1999	K23YDH7	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.13	K	
4959	2321529122	Nguyễn Thành	Nhân	12/03/1999	K23YDH7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.5	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.85	TBK	
4960	2320529146	Lê Thị Yến	Nhi	10/06/1999	K23YDH7	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.50	K	
4961	2320520796	Nguyễn Lê Thị Bá	Nhung	21/01/1998	K23YDH7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
4962	2321529307	Nguyễn Huỳnh	Phúc	30/05/1999	K23YDH7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.78	TBK	
4963	2321525071	Phạm Thanh	Phương	07/11/1999	K23YDH7	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	6.0	6.8	7.33	K	
4964	2320519391	Nguyễn Thị Hoàng	Quý	04/06/1999	K23YDH7	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.83	TBK	
4965	2320528956	Lê Thị Ngọc	Quyên	13/06/1999	K23YDH7	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.95	TBK	
4966	2321523874	Mai Quang	Sâm	07/03/1999	K23YDH7	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.70	TBK	
4967	2320520888	Trương Thị Hoài	Tâm	09/08/1999	K23YDH7	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.83	TBK	
4968	2321520640	Bùi Hữu	Thạch	22/06/1999	K23YDH7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.83	TBK	
4969	2320529152	Trần Thị Ngọc	Thảo	19/08/1999	K23YDH7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.18	K	
4970	2320668449	Vy Thị	Thảo	08/02/1999	K23YDH7	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.38	K	
4971	2320529008	Lê Thị Cẩm	Thi	11/06/1999	K23YDH7	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.5	7.4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	6.0	6.6	7.23	K	
4972	2321529025	Trần Quyết	Tiến	14/01/1999	K23YDH7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	6.0	6.8	7.15	K	
4973	2320529175	Đặng Thị Thùy	Trang	06/03/1999	K23YDH7	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.85	TBK	
4974	2320529294	Nguyễn Thị Huyền	Trang	03/02/1999	K23YDH7	8.0	6.0	4.0	5.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	6.0	6.8	6.78	TBK	
4975	2321528897	Huỳnh Nhật	Trung	12/10/1999	K23YDH7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.83	TBK	
4976	2320520499	Nguyễn Dương Thanh	Tú	10/03/1999	K23YDH7	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.70	TBK	
4977	2320523893	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	10/05/1999	K23YDH7	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.15	K	
4978	2320520584	Hoàng Thị Ngọc	Vân	23/02/1999	K23YDH7	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.18	K	
4979	2320529084	Đào Thúy	Vân	12/11/1999	K23YDH7	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.20	K	
4980	2321519388	Trương Quang	Vinh	06/05/1999	K23YDH7	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.20	K	
4981	2321520303	Nguyễn Hoàng	Vũ	07/10/1999	K23YDH7	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.78	TBK	
4982	2320529127	Nguyễn Thị Nhật	Vy	18/07/1999	K23YDH7	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.25	K	
4983	23205211377	Nguyễn Thị	Xuân	17/06/1999	K23YDH7	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.08	K	
4984	2320529058	Đỗ Hải	Yến	18/10/1999	K23YDH7	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	6.0	6.0	6.6	7.35	K	
4985	2320529255	Nguyễn Thị Hồng	Anh	23/12/1998	K23YDH8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	6.0	6.0	6.6	6.93	TBK	
4986	23205211382	Tạ Thị Hải	Ấu	19/09/1999	K23YDH8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	6.0	6.0	6.6	6.98	TBK	
4987	2320529092	Võ Thị	Bình	02/09/1998	K23YDH8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	6.0	7.0	7.1	6.98	TBK	
4988	2320523834	Lê Như Ngọc	Châu	11/01/1997	K23YDH8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	6.0	6.8	7.23	K	
4989	2320529040	Thái Thị	Dung	01/01/1998	K23YDH8	8.0	6.0	5.5	6.4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	6.0	6.6	6.90	TBK	
4990	2321521230	Trần Văn	Duy	19/07/1999	K23YDH8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.90	TBK	
4991	2321525060	Lương Khả	Hân	11/03/1999	K23YDH8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	7.28	K	
4992	23205211396	Hoàng Thị	Hiền	06/04/1999	K23YDH8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.38	K	
4993	2320529038	Đặng Nguyễn Bích	Hợp	27/08/1998	K23YDH8	8.0	6.0	4.0	5.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.65	TBK	
4994	2320521553	Nguyễn Thị Minh	Huệ	06/10/1998	K23YDH8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	6.0	6.8	7.13	K	
4995	23205210247	Trần Thị	Huệ	03/09/1999	K23YDH8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	6.0	6.8	7.25	K	
4996	23205210252	Trần Thị Lan	Hương	17/01/1999	K23YDH8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	6.0	6.8	7.10	K	
4997	2320529300	Nguyễn Thị Hoàng	Khanh	25/02/1998	K23YDH8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	6.0	6.8	6.93	TBK	
4998	23205212192	Nguyễn Hoài	Lê	10/02/1999	K23YDH8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	6.0	6.6	6.95	TBK	
4999	2320521367	Nguyễn Thị	Linh	30/10/1999	K23YDH8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	7.40	K	
5000	2320529164	Phạm Thị Hồng	Linh	10/03/1999	K23YDH8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.5	7.0	7.2	8.0	6.0	6.0	6.6	7.00	K	
5001	23205211758	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	01/09/1999	K23YDH8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.38	K	
5002	2321529261	Nguyễn Thiên	Luân	22/03/1998	K23YDH8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.13	K	
5003	23205211412	Nguyễn Thị Khánh	Ly	10/02/1999	K23YDH8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.5	7.4	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	6.0	6.0	6.6	7.05	K	
5004	2321525037	Huỳnh Nguyễn Quang	Minh	01/03/1998	K23YDH8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	6.90	TBK	
5005	2320520736	Bùi Thị Trà	My	27/03/1999	K23YDH8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	6.0	6.6	7.08	K	
5006	23205211599	Nguyễn Thị Dạ	My	27/02/1999	K23YDH8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	6.0	6.8	7.18	K	
5007	2320519377	Nguyễn Thị Thu	Ngọc	06/09/1998	K23YDH8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.5	7.0	7.2	8.0	6.0	6.0	6.6	6.88	TBK	
5008	23205211588	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	05/06/1998	K23YDH8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	6.0	6.6	7.25	K	
5009	23215210598	Nguyễn Tấn	Phát	11/11/1999	K23YDH8	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	6.0	6.0	6.6	7.18	K	
5010	2321520645	Phan Văn	Phúc	26/04/1999	K23YDH8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	6.0	6.6	7.15	K	
5011	232																							

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
5021	23205211042	Phạm Thị Quế	Anh	18/05/1999	K23YDH9	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.83	TBK	
5022	2320523832	Trương Thị Mỹ	Cam	19/10/1999	K23YDH9	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.03	K	
5023	2321523839	Nguyễn Hồng	Đức	21/09/1999	K23YDH9	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	6.0	6.6	6.83	TBK	
5024	23205210174	Huỳnh Thị	Dung	30/07/1999	K23YDH9	8.0	7.0	5.5	6.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
5025	2320521387	Lê Thị Thuyền	Duyên	22/10/1999	K23YDH9	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
5026	23205210197	Đặng Trần Thanh	Hà	02/03/1999	K23YDH9	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.95	TBK	
5027	23205210999	Nguyễn Thị Thu	Hằng	18/06/1999	K23YDH9	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.85	TBK	
5028	23205211072	Hồ Thị Mỹ	Hạnh	04/10/1999	K23YDH9	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.98	TBK	
5029	23205212109	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	24/11/1999	K23YDH9	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.03	K	
5030	23215211006	Đào Xuân	Hiếu	07/12/1999	K23YDH9	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.08	K	
5031	23215212388	Nguyễn Phước	Hùng	07/02/1999	K23YDH9	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.83	TBK	
5032	2320520631	Nguyễn Thanh	Hương	15/02/1999	K23YDH9	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.33	K	
5033	23205211931	Huỳnh Thị Quỳnh	Hương	04/02/1998	K23YDH9	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.85	TBK	
5034	2320520733	Trần Thị Thúy	Hường	04/06/1999	K23YDH9	8.0	6.0	6.5	6.9	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.80	TBK	
5035	23215210220	Lưu Quốc	Huy	26/04/1999	K23YDH9	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	6.0	6.0	6.6	6.88	TBK	
5036	2320529627	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	13/09/1999	K23YDH9	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.23	K	
5037	23205211397	Trần Thị Thu	Huyền	22/12/1999	K23YDH9	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.20	K	
5038	2321528994	Nguyễn Anh	Khoa	11/01/1999	K23YDH9	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.83	TBK	
5039	2321520876	Trần Anh	Kiệt	01/10/1999	K23YDH9	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.25	K	
5040	2320523854	Nguyễn Trúc	Linh	12/10/1999	K23YDH9	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.98	TBK	
5041	23205212002	Võ Thị Hồng	Minh	01/04/1998	K23YDH9	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.20	K	
5042	23205211047	Huỳnh Thị	Mộng	05/10/1999	K23YDH9	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.70	TBK	
5043	2320520798	Nguyễn Thị Tuyết	Nga	26/04/1999	K23YDH9	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.48	K	
5044	23205211366	Trương Thị Kim	Ngân	17/11/1999	K23YDH9	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.73	TBK	
5045	23205211242	Huỳnh Thị Ái	Nhân	11/09/1999	K23YDH9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.43	K	
5046	2320521814	Phạm Thị Yên	Nhi	09/09/1999	K23YDH9	8.0	6.0	6.5	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	7.23	K	
5047	2320524745	Cao Ngọc Yên	Nhi	13/08/1999	K23YDH9	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	7.23	K	
5048	23205211917	Đặng Thị Yên	Nhi	20/12/1999	K23YDH9	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	6.0	7.0	7.1	7.10	K	
5049	23205211896	Lý Thị Thùy	Oanh	01/06/1999	K23YDH9	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.10	K	
5050	23205211071	Bùi Thị Hồng	Phúc	25/01/1999	K23YDH9	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.23	K	
5051	23205211055	Lê Bùi Lan	Phương	29/09/1998	K23YDH9	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	6.0	6.8	7.30	K	
5052	2320520508	Lê Ngọc Cẩm	Quỳnh	22/02/1999	K23YDH9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.33	K	
5053	23215211237	Lê Văn	Thành	28/12/1999	K23YDH9	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.20	K	
5054	23205210343	Lê Phùng Thanh	Thảo	05/03/1999	K23YDH9	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.10	K	
5055	23205210945	Nguyễn Thị Phương	Thảo	20/08/1999	K23YDH9	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.03	K	
5056	23205210946	Nguyễn Thị Thu	Thảo	13/08/1999	K23YDH9	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	6.0	6.8	7.30	K	
5057	2320521366	Bùi Thị	Thi	01/06/1999	K23YDH9	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
5058	23205212061	Trần Bảo Ngọc	Thư	25/03/1999	K23YDH9	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	6.0	6.8	7.03	K	
5059	23205210208	Bùi Thị Thu	Thùy	24/12/1999	K23YDH9	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.03	K	
5060	23215210597	Phạm Thị Thủy	Tiên	28/05/1999	K23YDH9	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.98	TBK	
5061	23205311416	Lê Thị Thanh	Tinh	07/05/1999	K23YDH9	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.78	TBK	
5062	2321529650	Hồ Nguyễn Việt	Toàn	27/02/1999	K23YDH9	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.95	TBK	
5063	2320523883	Nguyễn Thị	Trâm	04/02/1999	K23YDH9	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.13	K	
5064	23205210594	Bùi Thị Ngọc	Trâm	24/09/1999	K23YDH9	8.0	6.0	7.5	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.15	K	
5065	2320520823	Phạm Thị Kiều	Trang	22/04/1999	K23YDH9	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.25	K	
5066	23205210604	Nguyễn Thùy	Trinh	05/07/1999	K23YDH9	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.90	TBK	
5067	23205210314	Đặng Thị Ngọc	Tuyền	02/09/1999	K23YDH9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.30	K	
5068	23205210324	Phạm Thị Thanh	Tuyền	31/08/1999	K23YDH9	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.90	TBK	
5069	23205210192	Phan Nữ Ngọc	Châu	25/12/1999	K23YDH10	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
5070	2320520817	Ông Lê Miên	Diễm	24/12/1999	K23YDH10	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.5	7.0	7.2	7.23	K	
5071	2321523838	Nguyễn Minh	Đức	09/11/1999	K23YDH10	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.20	K	
5072	23205212169	Nguyễn Trường	Giang	28/09/1999	K23YDH10	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
5073	2320520591	Quách Thị Thu	Hà	20/05/1999	K23YDH10	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
5074	23205210275	Nguyễn Mai Thái	Hà	28/01/1998	K23YDH10	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.15	K	
5075	2320520335	Trần Thị	Hằng	03/02/1999	K23YDH10	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	7.28	K	
5076	23205210025	Trần Thị Thanh	Hằng	20/10/1999	K23YDH10	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.8			

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
5087	2320523860	Nguyễn Thị	Mến	30/10/1999	K23YDH10	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	7.15	K	
5088	2321529604	Ngô Quang	Minh	15/10/1999	K23YDH10	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.83	TBK	
5089	23205210590	Nguyễn Lê Kim	Ngân	02/06/1999	K23YDH10	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
5090	23205212006	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	28/01/1999	K23YDH10	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.5	6.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.15	K	
5091	23205212007	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	08/02/1999	K23YDH10	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
5092	2321525059	Tôn Thất Cảnh	Nhân	18/06/1999	K23YDH10	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
5093	23205210630	Trần Thị	Nhung	01/02/1999	K23YDH10	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.5	5.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.90	TBK	
5094	23205211707	Nguyễn Lan	Phuong	04/03/1999	K23YDH10	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	7.48	K	
5095	2321524682	Huỳnh Minh	Quang	17/03/1999	K23YDH10	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.5	6.5	7.0	6.93	TBK	
5096	2320521245	Lưu Trần Xuân	Quỳnh	11/11/1999	K23YDH10	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
5097	2320523873	Trà Như	Quỳnh	09/09/1999	K23YDH10	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.5	8.0	7.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.43	K	
5098	2320524992	Lê Thị Thanh	Sâm	13/07/1999	K23YDH10	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
5099	23205210253	Nguyễn Thị Thanh	Sâm	12/02/1999	K23YDH10	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
5100	2321520613	Đào Bá	Sơn	15/07/1999	K23YDH10	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.5	7.7	6.98	TBK	
5101	2321529601	Nguyễn Thành	Thắng	06/01/1999	K23YDH10	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.5	7.0	7.2	6.98	TBK	
5102	2320521397	Ngô Thanh	Thảo	26/04/1999	K23YDH10	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
5103	23205210223	Huỳnh Thị Như	Thảo	21/08/1999	K23YDH10	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
5104	23205211747	Phan Đoàn Mai	Thi	24/10/1999	K23YDH10	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	7.08	K	
5105	2320525470	Đặng Minh	Thu	16/02/1999	K23YDH10	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	7.20	K	
5106	23205211405	Nguyễn Anh	Thư	15/06/1999	K23YDH10	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
5107	23205210622	Trần Thị Ngọc	Thúy	25/10/1999	K23YDH10	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
5108	2320529735	Huỳnh Thị Cẩm	Tiên	11/10/1999	K23YDH10	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
5109	2321523882	Huỳnh Quốc	Toàn	21/12/1999	K23YDH10	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.90	TBK	
5110	2320523886	Huỳnh Thị Thu	Trang	05/01/1999	K23YDH10	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.5	6.0	6.7	7.10	K	
5111	23205210029	Phạm Nguyên Tú	Trúc	24/01/1999	K23YDH10	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.13	K	
5112	2321520840	Nguyễn Ngọc Minh	Tuấn	05/11/1999	K23YDH10	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.5	6.0	6.7	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	6.88	TBK	
5113	2321523890	Trà Quốc	Tuấn	02/08/1999	K23YDH10	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
5114	2321523891	Đỗ Úc	Tuệ	01/11/1999	K23YDH10	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
5115	2321523896	Phan Tấn	Vui	10/01/1999	K23YDH10	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.5	6.0	6.7	7.10	K	
5116	2321538727	Hoàng Nhật	Ân	04/02/1999	K23YDK1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.45	K	
5117	2320530830	Nguyễn Quỳnh	Châu	28/09/1999	K23YDK1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.33	K	
5118	2320538722	Huỳnh Thị Thùy	Dung	31/12/1999	K23YDK1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
5119	2321538852	Hồ Lê	Duy	27/10/1999	K23YDK1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.20	K	
5120	2320538771	Bùi Thị Vũ	Hằng	12/04/1999	K23YDK1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.43	K	
5121	2320538823	Nguyễn Thị Thu	Hào	18/11/1999	K23YDK1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.38	K	
5122	2320538720	Trần Thị Thúy	Hòa	16/09/1999	K23YDK1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.38	K	
5123	2321534995	Phan Phạm	Hữu	27/04/1999	K23YDK1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
5124	2320538591	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	20/04/1999	K23YDK1	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.5	7.0	7.2	7.35	K	
5125	2320538684	Trịnh Thị Khánh	Huyền	15/09/1999	K23YDK1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
5126	2321538764	Lê Quang	Khải	30/05/1999	K23YDK1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
5127	2321538789	Nguyễn Đăng	Khánh	06/02/1999	K23YDK1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	7.28	K	
5128	2320538643	Phan Đăng Phương	Linh	26/02/1999	K23YDK1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
5129	2321533909	Nguyễn Thanh	Minh	28/01/1999	K23YDK1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
5130	2320533911	Đặng Trịnh Bảo	Ngân	28/10/1999	K23YDK1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
5131	2320538855	Lê Thị Như	Phuong	06/09/1999	K23YDK1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
5132	2321538610	Trần Đức	Thắng	10/07/1999	K23YDK1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	7.28	K	
5133	2320533913	Huỳnh Ngọc Thiên	Thảo	28/02/1999	K23YDK1	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.28	K	
5134	2320533916	Nguyễn Phan Nguyên	Thảo	27/05/1999	K23YDK1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
5135	2320531816	Huỳnh Kim Anh	Thi	27/02/1999	K23YDK1	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.45	K	
5136	2320530897	Lê Nguyễn Anh	Thư	20/09/1999	K23YDK1	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
5137	2320534751	Lê Minh Anh	Thư	15/10/1999	K23YDK1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
5138	2320539676	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Tr																					

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
5153	2321538618	Nguyễn Vũ	Lâm	01/05/1999	K23YDK2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.93	TBK	
5154	2320538638	Lưu Minh	Ngọc	08/07/1999	K23YDK2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.13	K	
5155	2320538680	Phan Hồng	Ngọc	12/05/1999	K23YDK2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.50	K	
5156	2320538604	Trần Thị Thảo	Nguyễn	26/12/1999	K23YDK2	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.08	K	
5157	2320530638	Trịnh Vũ Tuyết	Nhung	23/05/1999	K23YDK2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.18	K	
5158	2320538658	Nguyễn Ngọc Ly	Phương	29/09/1999	K23YDK2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.43	K	
5159	2320538730	Trần Nguyệt	Quế	08/11/1999	K23YDK2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	6.0	6.8	7.35	K	
5160	2320538725	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	19/08/1999	K23YDK2	8.0	8.0	9.0	8.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	6.0	6.8	7.83	K	
5161	2320538837	Hoàng Nguyễn Anh	Thư	12/04/1999	K23YDK2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.30	K	
5162	2320538861	Nguyễn Thoại	Thư	26/04/1999	K23YDK2	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.08	K	
5163	2320533921	Huyền Nguyễn Ngọc	Trâm	11/10/1999	K23YDK2	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.20	K	
5164	2320538584	Nguyễn Hoàng Bảo	Trâm	16/11/1999	K23YDK2	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.03	K	
5165	2321533922	Phan Minh	Trí	14/08/1999	K23YDK2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.20	K	
5166	2321538620	Đặng Bửu	Triều	13/05/1999	K23YDK2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.13	K	
5167	2320538689	Cao Ngọc Mỹ	Uyên	14/04/1999	K23YDK2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.00	K	
5168	2320538858	Nguyễn Thị Thảo	Vy	06/06/1999	K23YDK2	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.20	K	
5169	2320538835	Lê Thị Ngọc	Yến	20/06/1999	K23YDK2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.00	K	
5170	2320538848	Vũ Hải	Yến	11/08/1999	K23YDK2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.00	K	
5171	2321534749	Trần Quốc Phước	An	18/12/1999	K23YDK3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.33	K	
5172	2320535040	Nguyễn Phương	Anh	11/04/1999	K23YDK3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.50	K	
5173	2320538748	Nguyễn Trịnh Phương	Anh	08/06/1999	K23YDK3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.20	K	
5174	2320538773	Võ Thị Kiều	Anh	02/11/1999	K23YDK3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.25	K	
5175	2321533899	Nguyễn Đình Hoàng	Bảo	12/10/1998	K23YDK3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	6.0	6.8	7.53	K	
5176	2321538795	Nguyễn Văn Thanh	Cường	10/02/1999	K23YDK3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	6.0	6.6	7.10	K	
5177	2321539702	Lê Hanh	Đệ	27/09/1999	K23YDK3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.05	K	
5178	2320538683	Đặng Thị Hương	Giang	16/09/1999	K23YDK3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.95	TBK	
5179	2321538671	Võ Nguyễn Minh	Hiếu	16/03/1999	K23YDK3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.08	K	
5180	2320538742	Trần Ngô Kim	Hoàng	02/06/1999	K23YDK3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	7.00	K	
5181	2321534997	Bùi Quốc	Huy	16/06/1999	K23YDK3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.10	K	
5182	2321538715	Luyện Ngọc	Kiên	28/08/1999	K23YDK3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.15	K	
5183	2320533906	Nguyễn Ngọc Hoàng	Linh	02/09/1999	K23YDK3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.5	7.4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	7.03	K	
5184	2320538859	Lê Nguyễn Khánh	Linh	29/06/1999	K23YDK3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.25	K	
5185	2321538724	Nguyễn Phi	Long	05/05/1999	K23YDK3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.43	K	
5186	2320533908	Trương Thái Tuệ	Mẫn	07/02/1999	K23YDK3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.13	K	
5187	2320538735	Vũ Thị	Ngoan	20/11/1999	K23YDK3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.18	K	
5188	2321531628	Lương Thành	Nguyễn	30/01/1999	K23YDK3	6.0	5.0	5.0	5.3	6.0	7.0	7.0	6.7	6.0	7.0	7.0	6.7	6.0	6.0	6.0	6.0	6.18	TBK	
5189	2321538780	Nguyễn Hoài	Niệm	02/01/1999	K23YDK3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.45	K	
5190	2321534686	Võ Trần Duy	Phúc	06/04/1999	K23YDK3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.95	TBK	
5191	2320538759	Đặng Thị Thảo	Sang	16/10/1999	K23YDK3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.33	K	
5192	2320530527	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	18/06/1999	K23YDK3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.18	K	
5193	2321538688	Lê Quốc	Thịnh	26/12/1999	K23YDK3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.20	K	
5194	2320538655	Lê Thị Anh	Thư	20/04/1999	K23YDK3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.38	K	
5195	2321534999	Phan Quang	Thương	09/03/1993	K23YDK3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.33	K	
5196	2320535000	Lê Thị	Trang	25/11/1999	K23YDK3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.5	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.33	K	
5197	2320538752	Phan Thị Hoài	Trang	07/07/1999	K23YDK3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
5198	2320538781	Phan Thị Kiều	Trang	25/06/1999	K23YDK3	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
5199	2320538754	Nguyễn Thị Tường	Vi	26/07/1999	K23YDK3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.95	TBK	
5200	2320538676	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	15/02/1999	K23YDK4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.38	K	
5201	2321533898	Nguyễn Tiến	Anh	07/02/1999	K23YDK4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.25	K	
5202	2320535041	Nguyễn Ly	Đan	22/02/1999	K23YDK4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.50	K	
5203	2321538803	Phan Vĩnh	Đạt	17/08/1999	K23YDK4	5.0	5.0	5.0	5.0	8.0	7.0	6.0	6.8					6.0	5.0	6.0	5.8		K,DAT	
5204	2320538703	Lê Khánh	Duyên	26/10/1999	K23YDK4	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0													

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ	
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB				
5219	23205311150	Nguyễn Đình Bảo	Ngọc	15/11/1999	K23YDK4	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.43	K		
5220	2320538693	Huỳnh Ngọc Quỳnh	Như	03/07/1999	K23YDK4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.15	K		
5221	2321538739	Nguyễn Hữu Nhân	Phúc	29/05/1999	K23YDK4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.25	K		
5222	2320533917	Nguyễn Thị Mai	Thi	07/04/1999	K23YDK4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.38	K		
5223	2320538667	Phạm Thị Ngọc	Thùy	17/06/1999	K23YDK4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	7.08	K		
5224	2321538862	Hồ Ngọc	Toàn	15/09/1999	K23YDK4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.18	K		
5225	2320538842	Cao Thị Thùy	Trang	20/08/1999	K23YDK4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.08	K		
5226	2321538664	Huỳnh Trọng	Trí	17/04/1999	K23YDK4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	7.15	K		
5227	2321538641	Huỳnh Thanh	Tú	27/03/1999	K23YDK4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.03	K		
5228	2320538696	Võ Thị Cẩm	Tuyết	29/11/1999	K23YDK4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	7.20	K		
5229	2321538761	Nguyễn Anh	Đức	14/01/1999	K23YDK5	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	7.5	7.6	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.90	TBK		
5230	2320538729	Lê Thị	Duyên	07/01/1999	K23YDK5	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	6.5	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.88	TBK		
5231	2320538821	Đinh Thị	Giang	06/07/1999	K23YDK5	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.83	TBK		
5232	2320530875	Trần Thị Hồng	Hạnh	21/12/1999	K23YDK5	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	6.5	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.78	TBK		
5233	2320534750	Nguyễn Thị Mỹ	Hào	05/06/1999	K23YDK5	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	6.5	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.78	TBK		
5234	2321533902	Trương Văn	Hậu	24/04/1999	K23YDK5	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	6.85	TBK		
5235	2320538744	Đặng Thị Thu	Hiền	06/10/1999	K23YDK5	7.0	5.0	8.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	5.0	8.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	7.03	K		
5236	2321531594	Bùi Trung	Hiếu	19/01/1999	K23YDK5	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	6.78	TBK		
5237	2321538668	Phạm Thế	Hiếu	07/04/1999	K23YDK5	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	7.5	7.6	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	6.78	TBK		
5238	2321538809	Đỗ Xuân	Hiếu	18/09/1999	K23YDK5	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.58	TBK		
5239	2321538677	Dương Võ	Hùng	19/02/1999	K23YDK5	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	6.5	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.83	TBK		
5240	2321534684	Nguyễn Thanh	Hung	20/08/1999	K23YDK5	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	6.5	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.83	TBK		
5241	2321538832	Lê Hoàng	Huy	06/06/1999	K23YDK5	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.75	TBK		
5242	2321538734	Lê Văn	Khải	25/06/1999	K23YDK5	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	7.5	7.6	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.00	K		
5243	2321538717	Nguyễn Trần	Khang	30/05/1999	K23YDK5	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	7.5	7.6	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.00	K		
5244	2321538637	Ngô Quốc	Khanh	31/08/1999	K23YDK5	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	6.5	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.70	TBK		
5245	2321538700	Đường Đỗ Hồng	Minh	07/08/1999	K23YDK5	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	8.0	7.8	7.0	5.0	8.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.08	K		
5246	2321538654	Vũ Hải	Nam	07/02/1999	K23YDK5	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.63	TBK		
5247	2321538854	Vũ Cao	Nguyễn	28/01/1999	K23YDK5	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	5.0	6.0	6.4	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.45	TBK		
5248	2320535038	Phan Hiếu	Nhi	12/03/1999	K23YDK5	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.5	7.6	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.8	7.10	K		
5249	2320538657	Dương Thị	Oanh	08/10/1999	K23YDK5	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.93	TBK		
5250	2321538824	Lê Duy	Phương	15/01/1999	K23YDK5	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	6.88	TBK		
5251	2321531542	Cao Thanh	Quốc	05/06/1999	K23YDK5	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	6.5	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	6.65	TBK		
5252	2321533918	Nguyễn Đức	Thịnh	19/01/1999	K23YDK5	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.75	TBK		
5253	2320538816	Nguyễn Quỳnh	Trang	30/04/1999	K23YDK5	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	7.5	7.6	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.00	K		
5254	2320530800	Nguyễn Tú	Trinh	06/08/1999	K23YDK5	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.5	7.6	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	7.00	K		
5255	2321538670	Nguyễn Đức	Anh	19/01/1998	K23YDK6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.93	TBK		
5256	2321538776	Dương Danh	Cường	26/08/1998	K23YDK6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.95	TBK	
5257	2321538819	Trần Tiến	Đạt	12/05/1999	K23YDK6	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	6.73	TBK		
5258	2321538849	Trần Công	Đạt	23/06/1998	K23YDK6	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.5	7.0	6.7	6.70	TBK		
5259	2321538770	Vũ Việt	Dũng	03/09/1998	K23YDK6	8.0	6.0	8.0	7.6	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.13	K		
5260	2320538733	Lê Ngọc Kỳ	Duyên	20/11/1998	K23YDK6	6.0	5.0	6.0	5.8	7.0	7.5	7.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.63	TBK		
5261	2320539621	Nguyễn Vũ Nhật	Hạ	19/07/1998	K23YDK6	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.5	7.0	7.1	7.43	K		
5262	2320538797	Trần Thị Mỹ	Hào	04/01/1998	K23YDK6	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.5	7.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	6.85	TBK		
5263	2321538630	Trần Trung	Hậu	22/02/1997	K23YDK6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.13	K		
5264	2321538765	Ngô Trọng	Hiền	30/06/1993	K23YDK6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.5	7.0	6.9	6.83	TBK		
5265	2321530858	Nguyễn Tấn	Hiền	12/11/1998	K23YDK6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	6.98	TBK		
5266	2321533904	Phan Xuân	Hoàng	03/08/1998	K23YDK6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.80	TBK		
5267	2321538774	Võ Phi	Hùng	20/11/1995	K23YDK6	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	6.5	6.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.5	7.0	7.1	6.65	TBK		
5268	2320538768	Nguyễn Thiên	Hương	12/10/1999	K23YDK6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.0	7.1	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	7.5	7.0	7.1	7.08	K		
5269	2321538699	Trần Lê	Huy	01/01/1999	K23YDK6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.68	TBK		
5270	2321538731	Nguyễn Quang	Huy	21/05/1989	K23YDK6	7.0	4.0	7.0	6.4	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.80	TBK		
5271	2321538646	Nguyễn Phước	Kồng	06/02/1994	K23YDK6	7.0	7.0	7.0	7.0					7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	7.0	7.0			K.Đ.AT	
5272	2320538772	Nguyễn Thị Thùy	Linh	01/09/1998	K23YDK6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.5	8.0	7.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.15	K		
5273	2321538705	Trần Gia	Minh	14/10/1998	K23YDK6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.08	K		
5274	2321531592	Nguyễn Thành	Nam	11/05/1999	K23YDK6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	6.90	TBK		
5275	2321538640	Trương Đình	Nhật																						

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
5285	2320530485	Huỳnh Đoàn Thu	Hương	08/05/1999	K23YDK7	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.15	K	
5286	2320530732	Nguyễn Xuân	Kha	05/02/1999	K23YDK7	8.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.5	7.6	7.35	K	
5287	23205310152	Nguyễn Thị Kim	Lưu	03/03/1999	K23YDK7	8.0	7.0	8.0	7.8	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.45	K	
5288	23205310415	Trần Bảo	Ngân	03/12/1999	K23YDK7	8.0	7.0	8.0	7.8	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.5	7.6	7.40	K	
5289	2321538692	Lê Hà Hữu	Nghĩa	05/01/1994	K23YDK7	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	6.90	TBK	
5290	23215310414	Trần Quang	Nguyễn	13/07/1999	K23YDK7	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.98	TBK	
5291	2321538845	Trần Vinh	Phú	27/01/1998	K23YDK7	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.63	TBK	
5292	2321538736	Nguyễn Trường	Son	26/10/1998	K23YDK7	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	6.0	6.5	6.9	6.58	TBK	
5293	2320538857	Đỗ Thị	Thị	18/11/1998	K23YDK7	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.68	TBK	
5294	23215310975	Trần Duy	Thịnh	13/08/1999	K23YDK7	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.93	TBK	
5295	23215310246	Nguyễn Mậu	Thương	22/04/1998	K23YDK7	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.03	K	
5296	2321538648	Lê Quốc	Tiến	21/02/1998	K23YDK7	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.4	6.88	TBK	
5297	2321533919	Huỳnh Song	Toàn	19/05/1997	K23YDK7	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	6.5	7.0	7.2	6.78	TBK	
5298	2320538615	Quách Thị Bích	Trang	06/06/1998	K23YDK7	7.0	5.0	7.0	6.6															K.ĐẠT
5299	23205310248	Tô Thị Thùy	Trang	25/05/1999	K23YDK7	8.0	7.0	8.0	7.8	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.40	K	
5300	23215310189	Trần Minh	Triều	23/04/1998	K23YDK7	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.03	K	
5301	23215310956	Tô Thành	Trung	09/07/1999	K23YDK7	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.5	7.4	7.58	K	
5302	23215310024	Nguyễn Thành	Tú	27/03/1999	K23YDK7	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.4	6.88	TBK	
5303	2321530913	Đoàn Anh	Tuấn	23/02/1994	K23YDK7	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.5	7.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.75	TBK	
5304	23205310391	Hoàng Thị Tường	Vy	08/02/1999	K23YDK7	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.4	7.00	K	
5305	23205310981	Trần Thanh	An	16/02/1999	K23YDK8	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.5	7.6	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.38	K	
5306	23215310611	Nguyễn Việt Quốc	Bảo	10/03/1999	K23YDK8	7.0	5.0	6.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	6.93	TBK	
5307	23205310976	Phạm Thị Khánh	Chi	31/08/1999	K23YDK8	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
5308	2320530737	Nguyễn Thị Anh	Đào	03/11/1999	K23YDK8	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
5309	2320530611	Lê Thị Thúy	Diễm	19/12/1999	K23YDK8	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.35	K	
5310	2321533903	Lê Hoàng Minh	Hiếu	06/08/1999	K23YDK8	7.0	4.0	7.0	6.4	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	5.0	6.5	6.7	6.75	TBK	
5311	2321530495	Nguyễn Đức	Hiếu	15/7/1999	K23YDK8	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	4.5	7.0	6.8	6.75	TBK	
5312	2321531241	Nguyễn Minh	Hòa	28/02/1999	K23YDK8	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.38	K	
5313	23215311730	Nguyễn Quốc	Hung	25/09/1998	K23YDK8	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
5314	2321533905	Nguyễn	Khải	17/02/1999	K23YDK8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
5315	2320534685	Huỳnh Thị	Luyến	27/09/1999	K23YDK8	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
5316	23215310982	Trương Trung	Nghĩa	21/02/1999	K23YDK8	7.0	4.0	6.0	5.9	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	4.0	7.0	6.4	8.0	6.0	7.0	7.1	6.38	TBK	
5317	2320531623	Nguyễn Thị Yên	Nhi	08/04/1999	K23YDK8	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
5318	2321530349	Trần Lê	Phi	28/03/1999	K23YDK8	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	6.5	7.5	7.5	7.53	K	
5319	23215210284	Nguyễn Gia	Phú	09/02/1999	K23YDK8	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	7.5	7.8	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.43	K	
5320	23215310979	Đặng Hữu	Son	23/06/1999	K23YDK8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	6.5	6.5	7.0	7.13	K	
5321	2321533912	Huỳnh Nguyễn Nhật	Tâm	20/11/1998	K23YDK8	7.0	5.0	4.0	5.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.63	TBK	
5322	23215310396	Vy Vũ Thành	Thắng	08/05/1999	K23YDK8	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	7.5	7.8	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.43	K	
5323	2320533915	Lê Thị Phương	Thảo	24/12/1999	K23YDK8	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.5	8.0	7.9	7.08	K	
5324	23215310984	Nguyễn Chí	Thiện	29/04/1998	K23YDK8	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	6.5	7.1	7.0	4.0	7.0	6.4	8.0	6.0	6.5	6.9	6.75	TBK	
5325	2320533920	Đoàn Ngọc	Trâm	09/04/1999	K23YDK8	6.0	5.0	8.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.18	K	
5326	2321530643	Lê Xuân	Tùng	02/08/1999	K23YDK8	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.5	7.0	7.4	6.98	TBK	
5327	2320530336	Lê Hồng	Uyên	12/07/1999	K23YDK8	7.0	7.0	8.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	7.0	6.0	8.0	7.3	8.0	7.5	8.0	7.9	7.63	K	
5328	2320221306	Phan Thị Thúy	Vi	#####	K23PSU-DLK11	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.30	K	
5329	2321622755	Nguyễn Song Thành	Nhân	11/12/1999	K23QTH	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
5330	23205211603	Nguyễn Thị Vân	Anh	13/10/1999	K23YDH10	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.5	7.6	7.28	K	
5331	2220326391	Trần Thị Việt	Hồng	25/4/1995	K23NAD2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	6.0	6.8	7.23	K	